



Tiếng Trung Yixin

Ngôn ngữ hành giúp bạn học Tiếng Trung Quốc hiệu quả hơn



YIXIN 第四课练习



LIVEWORKSHEETS



Tiếng Trung Y&Xin

Ngữ văn tiếng Trung Quốc - Học tiếng Trung Quốc hiệu quả



1. 结合部件

KẾT HỢP CÁC BỘ PHẬN SAU THÀNH
CHỮ HÁN HOÀN CHỈNH

2. 朗读句子

ĐỌC TO CÂU HIỆN TRÊN MÀN HÌNH



LIVEWORKSHEETS



Tiếng Trung Việt Xinh

Ngữ pháp tiếng Trung Quốc theo học sinh



LIVEWORKSHEETS

- CHỌN CÁC CHỮ HÁN CÓ THỂ ĐƯỢC TẠO THÀNH BỞI CÁC PHẦN ĐÃ CHO SẴN.

VÍ DỤ: 广 叟 → 瘦

- ĐỌC TO CÁC CÂU CÓ CÁC CHỮ HÁN TRÊN



一 言 几

A. 亮

B. 高

她又高又漂亮。



巾

一

リ

A. 帅

B. 师

老师很帅。

友 心 一

A. 爱

B. 发

他很聪明，也很可爱。



眼

目

A. 眼

B. 很

他的眼睛很小。



头 兴

A. 头

B. 兴

认识他，我很高兴。



女 矢 禾

A. 矮

B. 短

我的个子很矮。